Họ và tên _____ Lớp _____

Luyện tập
Tính theo phương trình hóa học

Câu 1: Công thức tính hiệu suất phản ứng theo chất sản phẩm là

A $H = \frac{m_{LT}}{m_{TT}}.100\%$

B $H = \frac{m_{TT}}{m_{LT}}.100\%$

C $H = \frac{m_{LT}}{n_{TT}}.100\%$

D $H = m_{LT}.m_{TT}.100\%$

Câu 2: Cho phương trình hóa học

$$N_2 + 3H_2 \longrightarrow 2NH_3$$

Tỉ lệ mol của các chất $N_2 : H_2 : NH_3$ **lần lượt là**

A 1 : 2 : 3

B 1 : 3 : 2

C 2 : 1 : 3

D 2 : 3 : 1

Câu 3: Hiệu suất phản ứng là

A Tỉ lệ số mol giữa sản phẩm và chất tham gia phản ứng

B Tích số mol giữa các chất sản phẩm và chất tham gia phản ứng

C Tỉ lệ giữa lượng sản phẩm thu được theo thực tế với lượng sản phẩm thu được theo lý thuyết

D Tỉ lệ giữa lượng chất tham gia phản ứng theo thực tế với lượng chất tham phản ứng theo lý thuyết

Câu 4: Cho miếng đồng (Cu) dư vào 200ml dung dịch $AgNO_3$ **, thu được muối** $Cu(NO_3)_2$ **và Ag bám vào miếng đồng. Khối lượng Cu phản ứng là 6,4 gam. Khối lượng Ag tạo ra là**

A 8,8 gam

B 10,8 gam

C 15,2 gam

D 21,6 gam

LIVEWORKSHEETS

Câu 4: Cho phương trình hóa học

$$CaCO_3 \xrightarrow{t^0} CaO + CO_2$$

Số mol $CaCO_3$ đã phản ứng để điều chế được 11,2 gam CaO

A 0,2 mol

B 0,3 mol

C 0,4 mol

D 0,1 mol

Câu 6: Đốt cháy hoàn toàn 12,8 gam lưu huỳnh bằng khí Oxygen, thu được khí SO_2

Số mol Oxygen đã phản ứng

A 0,2 mol

B 0,4 mol

C 0,6 mol

D 0,8 mol

Câu 7: Cho 4,8 gam Mg tác dụng với dung dịch chứa 3,65 gam Hydrochloric acid (HCl) thu được Magnesium chloride $(MgCl_2)$ và khí Hydrogen. Thể tích H_2 thu được ở điều kiện chuẩn là

A 2,2400 lít

B 2,4790 lít

C 1,2395 lít

D 4,5980 lít

Câu 8: Cho sơ đồ phản ứng hóa học sau:

$$Al + H_2SO_4 \longrightarrow Al_2(SO_4)_3 + H_2$$

Số mol H_2SO_4 phản ứng hết với 6 mol là

A 6 mol

B 3 mol

C 9 mol

D 5 mol

Câu 9: Đốt cháy hoàn toàn 7,5 gam than đá có chứa 4% tạp chất không cháy, thể tích khí Oxygen ở điều kiện chuẩn vừa cần dùng là

A 49,58 lít

B 74,37 lít

C 37, 185 lít

D 14, 874 lít

PHẦN 1

LIVEWORKSHEETS